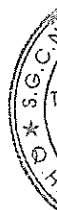


# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 27

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 40/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép điều chỉnh số</u>	<u>Ngày ban hành</u>
▽ Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty thay đổi địa điểm Trụ sở chính	Ngày 9 tháng 2 năm 2011
▽ Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty	Ngày 22 tháng 6 năm 2011
▽ Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty	Ngày 5 tháng 9 năm 2012
▽ Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty thay đổi địa điểm Trụ sở chính và bổ sung nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các hoạt động chính trong năm đến thời điểm hiện tại của Công ty là quản lý danh mục đầu tư và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Công ty có Trụ sở chính tại tầng 10, Tòa nhà Techcombank, số 191, Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Bổ nhiệm</u>
Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2013
Ông Đặng Lưu Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2012

### BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Bổ nhiệm</u>
Ông Đặng Lưu Dũng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Hùng Anh – chức danh Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Ông Đặng Lưu Dũng – chức danh Giám đốc được Ông Hồ Hùng Anh ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Giấy ủy quyền số 01E/2015/UQ-CT ngày 01 năm 01 năm 2015.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

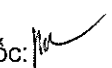

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Chức mặt Ban Giám đốc:   


Ông Đặng Lưu Dũng  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100  
Fax: + 84 4 3831 5090  
ey.com

Số tham chiếu: 60899747/18230123/TCC-EY

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ sở hữu  
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương ("Công ty"), được lập Ngày 15 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Building a better  
working world**

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 24 tháng 3 năm 2015.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Nguyễn Xuân Đại  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Trần Thị Thu Hiền  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>53.105.299</b>	<b>52.395.672</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>IV.1</b>	<b>51.802.779</b>	<b>51.822.936</b>
111	1. Tiền		1.302.779	1.022.936
112	2. Các khoản tương đương tiền		50.500.000	50.800.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.295.613</b>	<b>416.050</b>
	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		-	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		10.000	-
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	IV.2	1.187.962	274.660
135	5. Phải thu ngắn hạn khác	IV.3	97.651	141.390
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.907</b>	<b>156.686</b>
151	1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	-
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		6.907	156.686
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>697.963</b>	<b>672.656</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình		-	-
222	Nguyên giá		-	-
223	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>250</b>	<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>IV.4</b>	<b>600.000</b>	<b>600.000</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		600.000	600.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>97.963</b>	<b>72.656</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		97.963	72.656
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>53.803.263</b>	<b>53.068.328</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.763.028</b>	<b>1.988.239</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.763.028</b>	<b>1.988.239</b>
312	1. Phải trả người bán ngắn hạn		13.970	158.624
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	IV.5	475.650	111.393
315	3. Phải trả người lao động		1.001.487	279.651
316	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	IV.6	227.086	1.383.683
320	5. Phải trả ngắn hạn khác		44.834	54.888
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>52.040.235</b>	<b>51.080.089</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		40.000.000	40.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		427.725	404.540
419	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp		427.725	404.540
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.184.785	10.271.009
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>53.803.263</b>	<b>53.068.328</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
005	1. Ngoại tệ các loại			
	- Đô la Mỹ (USD)		31,68	48,18
030	8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	IV.7	22.752.080	2.349.670
031	8.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		22.752.080	2.349.670
040	9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	IV.8	144.998.078	170.507.272
041	9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước		144.998.078	170.507.272
050	10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	IV.9	40.285	-
051	11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	IV.10	226.853	274.660

Người lập:

Người kiểm tra:



Bà Chu Quỳnh Trang  
Kế toán

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dũng  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
01	1. Doanh thu		9.231.989	7.698.816
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	V.1	9.231.989	7.698.816
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	V.2	(120.000)	-
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		9.111.989	7.698.816
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	V.3	2.140.218	12.133.191
22	7. Chi phí tài chính		-	-
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	V.4	(10.621.629)	(6.285.387)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		630.578	13.546.620
31	10. Thu nhập khác		-	-
32	11. Chi phí khác		(50.955)	(2.636.112)
40	12. Lợi nhuận khác		(50.955)	(2.636.112)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		579.623	10.910.508
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	V.5	(115.925)	(2.819.716)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		463.699	8.090.792

Người lập:

Người kiểm tra:

Người phê duyệt:



Bà Chu Quỳnh Trang  
Kế toán

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dũng  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp trực tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		10.472.763	10.822.894
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(120.000)	(19.320)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(6.969.486)	(2.687.837)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	V.5	(91.746)	(2.879.123)
06	5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.311.689)	(4.986.401)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng cho)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(20.157)</b>	<b>250.213</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	37.165.449
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>37.165.449</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(20.157)</b>	<b>37.415.662</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>IV.1</b>	<b>51.822.936</b>	<b>14.407.274</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>IV.1</b>	<b>51.802.779</b>	<b>51.822.936</b>

Người lập:



Bà Chu Quỳnh Trang  
Kế toán

Người kiểm tra:



Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Lưu Dũng  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương**

B05-CTQ

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: nghìn đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Ngày 1 tháng 1 năm 2014	Ngày 1 tháng 1 năm 2015	2014		2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000	40.000.000	-	-	-	-	40.000.000	40.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	-	404.540	404.540	-	23.185	-	404.540	427.725
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	404.540	404.540	-	23.185	-	404.540	427.725
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	2.989.297	10.271.009	8.090.792	(809.080)	960.146	(46.370)	10.271.009	11.184.785
	<b>42.989.297</b>	<b>51.080.089</b>	<b>8.899.872</b>	<b>(809.080)</b>	<b>1.006.516</b>	<b>(46.370)</b>	<b>51.080.089</b>	<b>52.040.235</b>

(\*) Số tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Lợi nhuận trong năm	463.699	8.090.792
Điều chỉnh giảm chi phí trích trước đã trích năm trước	496.447	-
	<b>960.146</b>	<b>8.090.792</b>

Người lập:

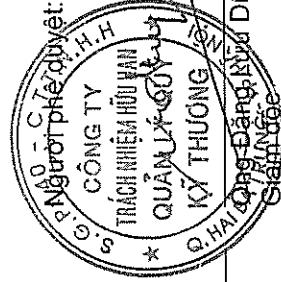


Bà Chu Quỳnh Trang  
Kế toán

Người kiểm tra:



Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**I. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 40/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các quyết định điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép điều chỉnh số</u>	<u>Ngày ban hành</u>
✦ Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty thay đổi địa điểm Trụ sở chính	Ngày 9 tháng 2 năm 2011
✦ Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty	Ngày 22 tháng 6 năm 2011
✦ Giấy phép điều chỉnh số 48/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty	Ngày 5 tháng 9 năm 2012
✦ Giấy phép điều chỉnh số số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty thay đổi địa điểm Trụ sở chính và bổ sung nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các hoạt động chính trong năm đến thời điểm hiện tại của Công ty là quản lý danh mục đầu tư và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Công ty có Trụ sở chính tại tầng 10, Tòa nhà Techcombank, số 191, Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

**Vốn Điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng Việt Nam (31 tháng 12 năm 2014: 40.000.000.000 đồng Việt Nam).

**Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 17 người, trong đó có 10 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ (31 tháng 12 năm 2014: 13 người, trong đó có 8 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ).

Danh sách nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<u>STT</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Số giấy phép</u>	<u>Ngày cấp</u>
1	Phí Tuấn Thành	000135/QLQ	15/04/2009
2	Đặng Lưu Dũng	000367/QLQ	13/07/2009
3	Phan Linh Chi	000368/QLQ	13/07/2009
4	Đào Kiên Trung	000553/QLQ	01/02/2010
5	Nguyễn Phương Lan	000836/QLQ	26/03/2012
6	Phan Thị Thu Hằng	001165/QLQ	30/10/2014
7	Lưu Thị Thúy	001166/QLQ	04/11/2014
8	Nguyễn Trà My	001208/QLQ	04/02/2015
9	Bùi Minh Long	001224/QLQ	12/03/2015
10	Phạm Hải Giang	001226/QLQ	20/04/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### II.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng nghìn đồng Việt Nam (VND'000) được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### II.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### II.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### II.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**III.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ thay đổi chính sách kế toán như sau:

*Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư này thay thế chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 sửa đổi bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh nghiệp thuộc đối tượng lập báo cáo được lựa chọn lập báo cáo tài chính năm 2015 theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC hoặc Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, Công ty lựa chọn áp dụng quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC để lập và trình bày báo cáo tài chính này.

**III.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**III.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**III.5 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

*Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn*

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận theo giá trị ghi sổ, trừ đi dự phòng giảm giá nếu có.

Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán kinh doanh bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng đầu tư chứng khoán*

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày lập báo cáo tài chính.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Trong trường hợp các nguồn thông tin đáng tin cậy như trên không có sẵn trên thị trường, các chứng khoán này sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Giá trị thị trường của chứng chỉ quỹ chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá trị tài sản ròng của đơn vị chứng chỉ quỹ theo báo cáo tài sản ròng của quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**III.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**III.7 Trợ cấp thôi việc phải trả**

*Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 04 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo.

*Trợ cấp mất việc:* theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

*Trợ cấp thất nghiệp:* Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

**III.8 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND'000) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ bằng đô la Mỹ (USD) được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại thời điểm này, các khoản mục tiền tệ và công nợ bằng ngoại tệ khác được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng mở tài khoản giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**III.9 Phân chia lợi nhuận và các quỹ**

Theo Thông tư số 146/TT/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 146"), bắt đầu từ năm tài chính 2014, lợi nhuận thực hiện của Công ty được phân phối như sau:

	<u>Phân phối hàng năm</u>	<u>Số dư tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Việc phân chia lợi nhuận còn lại do Hội đồng Thành viên của Công ty quyết định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**III.10 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Phí quản lý và tư vấn*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của các hợp đồng quản lý đầu tư và tư vấn.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**III.11 Thuê hoạt động**

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

**III.12 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**III.12 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**III.13 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh trong báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt như được trình bày sau đây.

Theo Thông tư 210, Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Công ty phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Yêu cầu này không có ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vì Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phi phái sinh.

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính cho mục đích đặc biệt nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**IV.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND'000
Tiền gửi ngân hàng	1.302.779	1.022.936
Các khoản tương đương tiền (*)	50.500.000	50.800.000
	<b>51.802.779</b>	<b>51.822.936</b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,6%/năm (31/12/2014: từ 4,4%/năm đến 4,5%/năm).

**IV.2 Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND'000
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	474.956	274.660
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	713.006	-
	<b>1.187.962</b>	<b>274.660</b>

**IV.3 Phải thu ngắn hạn khác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	97.651	111.509
Phải thu khác	-	29.881
	<b>97.651</b>	<b>141.390</b>

**IV.4 Đầu tư tài chính dài hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND'000
Đầu tư dài hạn khác (*)	600.000	600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	-
	<b>600.000</b>	<b>600.000</b>

(\*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư TCBOND mà Công ty đang sở hữu 10% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**IV.5 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND'000	Số phát sinh trong năm VND'000	Điều chỉnh trong năm VND'000	Số đã nộp trong năm VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.057	115.925	7.104	(91.746)	48.340
Thuế thu nhập cá nhân	94.336	865.112	-	(532.138)	427.310
	<b>111.393</b>	<b>981.037</b>	<b>7.104</b>	<b>(623.884)</b>	<b>475.650</b>

**IV.6 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND'000
Phải trả tiền thuê văn phòng, quản lý tòa nhà	-	380.715
Phải trả phí tư vấn	-	500.000
Phải trả phí kiểm toán	110.000	143.000
Phải trả khác	117.086	359.968
	<b>227.086</b>	<b>1.383.683</b>

**IV.7 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND'000
<b>Công ty TNHH Quản lý nợ &amp; Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam</b> Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	294.543	290.275
<b>Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương</b> Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	540.729	342.587
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	20.200.000	-
<b>Đỗ Tuấn Anh</b> Tiền gửi ký quỹ tại công ty chứng khoán	1.716.808	1.716.808
	<b>22.752.080</b>	<b>2.349.670</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**IV.8 Danh mục của nhà đầu tư ủy thác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng	Nguyên giá VND'000	Số lượng	Nguyên giá VND'000
<b>Công ty TNHH Quản lý nợ &amp; Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam</b>				
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- MSB	525.000	4.350.000	525.000	4.350.000
- VPB	4.763.766	37.903.000	4.763.766	37.903.000
<b>Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương</b>				
Cổ phiếu niêm yết				
- TRA	-	-	205.770	17.432.646
- DHG	-	-	81.720	8.076.548
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- MSB	6.110.000	50.648.078	6.110.000	50.648.078
- VPB	6.547.713	52.097.000	6.547.713	52.097.000
	<b>17.946.479</b>	<b>144.998.078</b>	<b>18.233.969</b>	<b>170.507.272</b>

**IV.9 Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND'000
<b>Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	40.284	-
	<b>40.284</b>	<b>-</b>

**IV.10 Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND'000
Phí quản lý và các phí khác từ các hợp đồng ủy thác đầu tư:		
- Công ty TNHH Quản lý nợ & Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	56.655	56.765
- Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương	170.198	207.595
- Đỗ Tuấn Anh	-	300
- Công ty TNHH Sao Thủy	-	10.000
	<b>226.853</b>	<b>274.660</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**V.1 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**

	Năm 2015 VND'000	Năm 2014 VND'000
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	2.579.477	7.698.816
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	800.486	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	5.852.026	-
<b>Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ</b>	<b>9.231.989</b>	<b>7.698.816</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>9.231.989</b>	<b>7.698.816</b>

**V.2 Chi phí hoạt động kinh doanh**

	Năm 2015 VND'000	Năm 2014 VND'000
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	120.000	-
	<b>120.000</b>	<b>-</b>

**V.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND'000	Năm 2014 VND'000
Thu lãi tiền gửi	2.140.218	1.280.850
Thu nhập từ bán chứng khoán kinh doanh	-	10.852.341
	<b>2.140.218</b>	<b>12.133.191</b>

**V.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2015 VND'000	Năm 2014 VND'000
Chi phí nhân viên	7.691.322	3.901.242
Chi phí vật liệu, dụng cụ	116.176	138.443
Thuế, phí và lệ phí	281.526	203.115
Chi phí thuê văn phòng, quản lý tòa nhà	1.302.417	1.425.761
Chi phí tư vấn, kiểm toán	200.000	180.641
Chi phí thuê xe	349.027	72.892
Chi phí tiếp khách	200.153	123.269
Chi phí khác	481.008	240.024
	<b>10.621.629</b>	<b>6.285.387</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)**

**V.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	Năm 2015 VND'000	Năm 2014 VND'000
Lợi nhuận trước thuế	579.623	10.910.508
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	-	2.636.112
Thu nhập chịu thuế trong năm	579.623	13.546.620
Chi phí thuế TNDN trong năm	115.925	2.709.324
Dự phòng thiếu những năm trước	-	110.392
<b>Tổng chi phí thuế TNDN trong năm</b>	<b>115.925</b>	<b>2.819.716</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	17.057	76.464
Điều chỉnh trong năm	7.104	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(91.746)	(2.879.123)
<b>Thuế TNDN (tạm ứng)/phải trả cuối năm</b>	<b>48.340</b>	<b>17.057</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VI. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm 2015 VND'000</i>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Phí tư vấn Lãi tiền gửi Chi phí thuê văn phòng	2.852.026 2.140.178 (1.081.453)
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Cùng chủ sở hữu	Phí quản lý danh mục đầu tư	646.013
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương	Cùng chủ sở hữu	Phí quản lý danh mục đầu tư	1.933.464

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND'000</i>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi Phải trả khác	1.291.392 50.500.000 97.651 (45.231)
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản NHTMCP Kỹ thương Việt Nam	Cùng chủ sở hữu	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư và các phí khác	56.655
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương	Cùng chủ sở hữu	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư và các phí khác Tiền gửi tự doanh	170.198 10.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## VII. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không phát sinh các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 11.4. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể do tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015, Công ty gần như không nắm giữ ngoại tệ.

### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty không có rủi ro về giá cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VII. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty không có rủi ro về giá hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng mẹ, vì vậy công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	VND'000					
	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 3 tháng</i>	<i>Từ 3 - 12 tháng</i>	<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Phải trả người bán	-	13.970	-	-	-	13.970
Phải trả người lao động	-	1.001.487	-	-	-	1.001.487
Chi phí phải trả	-	117.086	110.000	-	-	227.086
Phải trả, phải nộp khác	-	44.834	-	-	-	44.834
	-	<b>1.177.378</b>	<b>110.000</b>	-	-	<b>1.287.378</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.802.779	51.802.779	51.822.936	51.822.936
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.295.613	1.295.613	416.050	416.050
Tài sản tài chính ngắn hạn khác	6.907	6.907	156.686	156.686
Chi phí trả trước dài hạn	97.963	97.963	72.656	72.656
Đầu tư dài hạn	600.000	600.000	600.000	600.000
	<b>53.803.263</b>		<b>53.068.328</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán ngắn hạn	13.970	13.970	158.624	158.624
Phải trả người lao động	1.001.487	1.001.487	279.651	279.651
Chi phí phải trả ngắn hạn	227.086	227.086	1.383.683	1.383.683
Phải trả ngắn hạn khác	44.834	44.834	54.888	54.888
	<b>1.287.378</b>		<b>1.876.846</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

**IX. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của công ty

Người lập:

Người kiểm tra:

Người phê duyệt:





Bà Chu Quỳnh Trang  
Kế toán

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dũng  
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016